

tiện giao thông vận tải của tư nhân thì nói chung phải thanh toán các phí tổn về xăng, dầu và nếu hỏng thì phải trả tiền sửa chữa cho họ và thanh toán vào khoản hành chính phí của cơ quan Công an.

II. QUYỀN ĐI LẠI TRONG THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, THỊ TRẤN BẰNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CÔNG CỘNG MÀ KHÔNG PHẢI TRẢ TIỀN TRONG KHI ĐANG LÀM NHIỆM VỤ

a) Đi lại trong thành phố, thị xã, thị trấn là bao gồm việc đi lại trên các đường phố trong nội thành, nội thị, và các đường đi ra ngoài ô thuộc phạm vi thành phố, thị xã, thị trấn.

b) Phương tiện giao thông công cộng nói trong điều này là:

— Xe ô-tô buýt, xe điện, xe lửa, trên đường bộ.

— Cầu, phà, đò và ca-nô, trên đường thủy.

Cục Cảnh sát nhân dân sẽ hướng dẫn, kiểm tra các lực lượng Cảnh sát nhân dân các cấp trong việc sử dụng hai quyền hạn nói trên theo tinh thần thông tư này.

Đề tất cả các cơ quan, đoàn thể, cán bộ, bộ đội cũng như nhân dân nói chung hiểu rõ nội dung về việc sử dụng hai quyền hạn nói ở điều 4 và 5 thuộc điều 5 trong pháp lệnh quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát nhân dân, đề nghị các ông Bộ trưởng, các Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính các khu, thành, tỉnh phổ biến rộng rãi thông tư này cho các cơ quan, đoàn thể, các cán bộ, bộ đội và nhân dân biết.

Hà-nội, ngày 22 tháng 7 năm 1963.

Bộ trưởng Bộ Công an

TRẦN QUỐC HOÀN

BỘ LAO ĐỘNG

QUYẾT ĐỊNH SỐ 79-LĐ-QĐ về việc ban hành quy chế thi tốt nghiệp tại các trường, lớp đào tạo công nhân kỹ thuật.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

Căn cứ nghị định số 172-TTg ngày 26-10-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Lao động:

Căn cứ thông tư số 60-TTg ngày 1-6-1962 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ học nghề,

Đề nâng cao chất lượng đào tạo công nhân kỹ thuật,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành quy chế thi tốt nghiệp tại các trường, lớp đào tạo công nhân kỹ thuật, kèm theo quyết định này.

Điều 2. — Quy chế này áp dụng thống nhất cho tất cả các trường, lớp đào tạo công nhân kỹ thuật của trung ương và địa phương kể từ ngày ban hành.

Điều 3. — Vụ quản lý nhân công và các Sở, Ty, Phòng Lao động chịu trách nhiệm theo dõi việc thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 22 tháng 7 năm 1963.

K.T. Bộ trưởng Bộ Lao động

Thủ trưởng

BÙI QUỠ

QUY CHẾ

Thi tốt nghiệp tại các trường, lớp đào tạo công nhân kỹ thuật.

Chương I

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Điều 1. — Kỳ thi tốt nghiệp cuối khóa học tại các trường, lớp đào tạo công nhân nhằm mục đích:

1. Kiểm tra học sinh về các mặt: lý thuyết và tay nghề, tư cách đạo đức, văn hóa và sức khỏe, đảm bảo chất lượng đào tạo.

2. Đề học sinh củng cố và hệ thống hóa kiến thức đã học, bồi dưỡng năng lực vận dụng lý luận vào thực tế, nâng cao năng lực độc lập công tác, đánh giá được thành tích đã học tập, đề có phương hướng phấn đấu trong công tác ở đơn vị mới.

3. Đề các trường, lớp nắm được kết quả thu nhận của học sinh, trên cơ sở đó rút kinh nghiệm và đề ra biện pháp cải tiến công tác giảng dạy cho các khóa sau.

Chương II

ĐIỀU KIỆN DỰ THI

Điều 2. — Học sinh học tại các trường, lớp đào tạo công nhân có đủ những điều kiện dưới đây thì được dự thi tốt nghiệp:

1. Đã học đầy đủ và liên tục chương trình lý thuyết, thực hành, chính trị như quy định trong chương trình của khóa học do Bộ Lao động ban hành hoặc Bộ, ngành chủ quản thông qua. Đối với các trường, lớp đào tạo công nhân từ 2 năm trở lên, học sinh không nghỉ tối đa quá 30 ngày liên tục hay 45 ngày không liên tục trong năm học cuối. Đối với các trường, lớp đào tạo công nhân dưới hai năm, số giờ nghỉ liên tục tối đa không quá 5% và nghỉ không liên tục tối đa không quá 8% so với tổng số giờ học quy định trong chương trình của toàn khóa. Ví dụ: công nhân tiện theo chương trình quy định thống nhất của Bộ Lao động là 3.528 giờ thì thời gian nghỉ liên tục tối đa không quá 5% là 176 giờ, nghỉ không liên tục tối đa không quá 8% là 282 giờ.

Riêng học sinh người dân tộc, thời gian nghỉ liên tục và không liên tục được chiếu cố như sau:

— Nếu thời gian học từ hai năm trở lên, thời gian nghỉ liên tục tối đa không quá 45 ngày và nghỉ không liên tục tối đa không quá 60 ngày, trong năm học cuối;

— Nếu thời gian học dưới hai năm, thời gian nghỉ liên tục tối đa không quá 7% và nghỉ không liên tục tối đa không quá 10% so với tổng số giờ học quy định trong chương trình của toàn khóa.

Số ngày nghỉ học, các trường lớp dựa vào sổ ghi học sinh có mặt, vắng mặt, và trên cơ sở các buổi học lý thuyết và thực hành để tính, không kể các buổi học tự học và các ngày nghỉ theo chế độ quy định ở phần III, mục D điểm 3 thông tư số 60-TTg ngày 1-6-1962 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Điểm tổng kết của các môn học không bị quá một môn dưới điểm trung bình. Đối với các trường, lớp đào tạo công nhân từ hai năm trở lên, lấy điểm tổng kết năm học cuối; đối với các trường, lớp đào tạo công nhân dưới hai năm, lấy điểm tổng kết toàn khóa.

Điểm tổng kết phải được tập thể tổ bộ môn hoặc Ban thông qua. Những học sinh có điểm tổng kết không đạt theo quy định sẽ dự thi tốt nghiệp lần thứ hai cùng với khóa sau. Nếu khóa sau không tiếp tục mở, sẽ cho thôi học.

Điều 3. — Những học sinh có một trong hai trường hợp sau đây được Hội đồng giám khảo có thể xét chiếu cố cho dự thi:

1. Những học sinh đã nghỉ quá thời gian quy định ở điều 2 nói trên nhưng có thành tích công tác trong việc xây dựng nhà trường, có tư cách đạo đức tốt hoặc có lý do chính đáng (ốm đau, nữ sinh nghỉ đẻ, v.v...) mà xét

có thể nắm tương đối vững bài học và làm được bài thi.

2. Những học sinh có điểm tổng kết bị quá một môn dưới điểm trung bình nhưng có tư cách đạo đức tốt, thực hành vững, có thành tích trong việc xây dựng nhà trường.

Điều 4. — Danh sách học sinh được dự thi phải công bố chậm nhất một tháng trước ngày thi. Trường hợp có khiếu nại mà trường, lớp không giải quyết được thì trường, lớp báo cáo về Bộ, ngành hoặc Sở, Ty quản lý xét.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU THI

Điều 5. — Chương trình thi căn cứ vào chương trình đã học toàn khóa do Bộ Lao động ban hành, hoặc do Bộ ngành chủ quản thông qua.

Nội dung thi gồm các môn sau đây:

1. Kỹ thuật cơ sở:

a) Đối với học sinh cơ điện, luyện kim, hóa chất v.v... chỉ thi đối với những môn kỹ thuật cơ sở học trên 50 tiết. Ví dụ: học sinh cơ khí phải thi vẽ kỹ thuật, vật liệu học; học sinh nghề điện xí nghiệp thi môn điện dân dụng v.v...

b) Đối với học sinh học nghề kiến trúc, những nghề sản xuất công nghệ nhẹ và nông nghiệp, lâm nghiệp v.v... chỉ thi đối với những môn kỹ thuật cơ sở học trên 30 tiết.

Đối với những ngành nghề mà chương trình đào tạo chưa được Hội đồng thẩm duyệt chương trình của Nhà nước duyệt y, các Bộ, các ngành sẽ căn cứ vào yêu cầu của ngành mình mà quyết định cho các trường, lớp nêu thi môn nào, không thi môn nào trong môn kỹ thuật cơ sở cho thích hợp.

2. Kỹ thuật chuyên môn và thực hành: bắt buộc thi cho tất cả các loại học sinh.

Chương trình thi phải được công bố trước 1 tháng. Tất cả các môn khác không thuộc hai loại trên, nhưng có trong chương trình học, thi kiểm tra và lấy điểm tổng kết toàn năm học (kể cả các môn văn hóa). Việc kiểm tra phải hoàn thành trước kỳ thi tốt nghiệp. Điểm tổng kết chỉ có giá trị để xét điều kiện dự thi và phân loại (khá, giỏi, trung bình), còn việc quyết định đậu, hỏng phải lấy điểm thi là chủ yếu.

Riêng môn thi chính trị, ngoài việc lấy điểm kiểm tra lý thuyết như các môn khác, phải

lấy việc nhận xét đức dục là một trong những điều kiện chủ yếu để công nhận tốt nghiệp. Việc phân loại đức dục cần tiến hành thận trọng, chu đáo, có lãnh đạo chặt chẽ và căn cứ vào tiêu chuẩn 3 tốt: tư tưởng, đạo đức tốt — học tập, lao động tốt — đoàn kết, kỷ luật tốt.

Sau đây là những nét chính của tiêu chuẩn phân loại:

Loại A :

- Có ý thức ngành nghề tốt;
- Có thành tích xuất sắc trong học tập, lao động và công tác;
- Có ý thức tổ chức và kỷ luật tốt;
- Đoàn kết tốt;
- Có thể có một vài khuyết điểm nhỏ về mặt sinh hoạt nhưng đã được sửa chữa.

Loại B :

- Có ý thức ngành nghề tốt;
- Học tập, lao động và công tác đạt kết quả tốt, nhưng không có thành tích xuất sắc như loại A nói trên;
- Có ý thức tổ chức và kỷ luật tốt;
- Có tinh thần đoàn kết giúp đỡ bạn;
- Có thể có một vài khuyết điểm nhưng không nghiêm trọng và đã hoặc đang được sửa chữa.

Loại C :

- Học tập, lao động và công tác tỏ ra có cố gắng tích cực;
- Nói chung không phạm sai lầm nghiêm trọng;
- Có thể phạm kỷ luật từ một lần cảnh cáo toàn lớp trở xuống và đã qua một thời gian sửa chữa, tỏ ra tiến bộ được mọi người công nhận.

Loại D :

- Có nhiều khuyết điểm nặng, sửa chữa chậm. Đã bị hai lần cảnh cáo toàn lớp hoặc một lần cảnh cáo toàn trường.

Điều 6. — Yêu cầu thi: lý thuyết, thực hành, chính trị căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu đào tạo đã đề ra.

1. Đối với các môn lý thuyết, có thể tiến hành thi viết hoặc thi vấn đáp. Đối với môn thi thực hành, đề thi cần kết hợp với sản xuất, có thể ra thống nhất cho từng loại nghề, cho từng nhóm học sinh, hoặc có thể mỗi học sinh làm một đề thi khác nhau với yêu cầu tương đương nhau.

Đề thi viết, thực hành, các câu hỏi vấn đáp do giáo viên dạy môn đó chọn, tổ bộ môn hoặc Ban tham gia ý kiến, được Hội đồng thi thông

qua và do Bộ, ngành hoặc các Sở, Ty quản lý duyệt. Các phiếu đề thi, bài thi, phải có chữ ký của Hiệu trưởng (ở trường) hoặc của Phòng Tổ chức giáo dục (ở xí nghiệp) và do bộ phận giáo vụ quản lý. Số phiếu thi vấn đáp phải nhiều hơn số học sinh dự thi. Các đề thi, bài thi đó phải giữ bí mật trước khi thi.

2. Chương trình thi, lịch thi do các trường, lớp đề nghị lên Bộ sở quan (đối với các trường, lớp bên cạnh xí nghiệp và trường trực thuộc Bộ), lên Sở, Ty quản lý (đối với các trường thuộc Sở, Ty địa phương quản lý) duyệt y. Các môn lý thuyết kỹ thuật cơ sở, nếu học xong trước thi có thể tổ chức cho thi trước (không thi lẻ tẻ từng môn). Môn lý thuyết chuyên môn sẽ thi cùng một lúc với thi thực hành vào cuối khóa học.

3. Các bài thi viết, vấn đáp, thực hành đều cho điểm riêng theo tiêu chuẩn cho điểm 5 bậc. Môn nọ không bù cho môn kia. Thời gian thi viết mỗi môn từ 2 đến 4 giờ trên giấy có phách và rọc phách trước khi chấm thi. Thi vấn đáp thi học sinh được chuẩn bị 1 giờ, trình bày và trả lời những câu hỏi phụ của giáo viên từ 10 đến 15 phút và chỉ được bốc thăm một lần.

4. Học sinh nào bỏ thi một bài, không làm bài nộp giấy trắng hoặc không thi thực hành sẽ bị loại.

Trường hợp thiếu bài thi có lý do chính đáng, thì được nhà trường tổ chức cho thi riêng trước khi mãn khóa.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI — KỶ LUẬT THI

Điều 7. — Việc thi tốt nghiệp ở các trường, lớp đào tạo công nhân được tiến hành dưới sự chỉ đạo của một Hội đồng giám khảo. Thành phần, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng giám khảo theo như quy định trong thông tư số 15-LĐ-TT ngày 15-8-1962 của Bộ Lao động. Hội đồng giám khảo do Hiệu trưởng các trường hoặc Giám đốc xí nghiệp đề nghị, Bộ, ngành hoặc Sở, Ty quản lý ra quyết định thành lập.

Điều 8. — Trong khi thi, học sinh phải thi hành đúng nội quy, không được thông đồng với nhau hay với người ngoài, không được mang vào phòng thi những giấy tờ, sách vở, tài liệu trừ những tài liệu đã được Hội đồng giám khảo cho phép và công bố trước.

Học sinh nào phạm nội quy thi, tùy lỗi nặng nhẹ có thể trừ điểm hoặc bị đuổi ra khỏi phòng thi.

Học sinh nào gian lận hoặc nộp bài thi có chỗ gian lận mà khi thi Hội đồng giám khảo không biết, sau mới phát hiện, sẽ tùy theo lỗi nặng nhẹ có thể bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển và thu hồi giấy chứng nhận tốt nghiệp.

Điều 9. — Việc trừ điểm thi, đuổi học sinh ra khỏi phòng thi do Hội đồng giám khảo quyết định và ghi vào biên bản chấm thi.

Việc hủy bỏ kết quả trúng tuyển kỳ thi của học sinh gian lận do Hội đồng giám khảo đề nghị lên Bộ, ngành hoặc Sở, Ty quản lý phối hợp với Bộ Lao động hoặc cơ quan Lao động địa phương đề quyết định.

Chương V

CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP, XÉT VỐT VÀ XỬ LÝ ĐỐI VỚI HỌC SINH ĐỦ TIÊU CHUẨN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP, XẾP HẠNG HỌC SINH TỐT NGHIỆP

Điều 10. — Những học sinh có đủ 3 điều kiện dưới đây được công nhận tốt nghiệp:

1. Điểm thi lý thuyết và tay nghề mỗi môn phải đạt từ điểm 3 trở lên (không lấy điểm trung bình toàn bộ các môn).

2. Tư cách đạo đức được xếp vào hạng C trở lên.

3. Sức khỏe: đạt yêu cầu quy định trong chương trình học tập toàn khóa.

Điều 11. — Được xét vớt:

— Những học sinh có tư cách đạo đức tốt (hạng A), có trình độ thực hành khá (điểm 4 trở lên) nhưng có một điểm 2 về môn thi lý thuyết.

— Những học sinh có tinh thần trách nhiệm, có nhiều thành tích trong công tác trước khi vào trường cũng như trong thời gian ở trường, học sinh dân tộc ít người, được chiếu cố xét vớt nếu thực hành đạt điểm 3 trở lên, tư cách đạo đức hạng A và bị một điểm 2 về môn thi lý thuyết.

Trong khi xét vớt, Hội đồng giám khảo căn cứ vào cả sự tiến bộ trọng suốt khóa học và các điểm tổng kết của từng học sinh cụ thể để quyết định.

Điều 12. — Học sinh không tốt nghiệp được kéo dài thêm thời hạn học tập không quá hai tháng như quy định ở mục III tiết D, điều 2 thông tư số 60.TTg ngày 1-6-1962 của Thủ tướng Chính phủ. Khi thi lại, hòng môn nào thi thi lại môn ấy cộng với điểm thi của các môn đã đạt trong kỳ thi trước để công nhận

tốt nghiệp và xếp hạng. Nếu thi lại vẫn không đạt yêu cầu thì có thể xét cho lưu ban và phải thi lại toàn bộ các môn với khóa sau. Trường hợp không có điều kiện lưu ban và không có khóa tiếp sau mà yêu cầu sản xuất không cần thi cho thôi học.

Điều 13. — Học sinh tốt nghiệp được xếp làm 3 hạng: giỏi, khá và trung bình.

Việc xếp hạng căn cứ vào kết quả kỳ thi, quá trình học tập, kết quả thực tập và tư cách đạo đức trong quá trình học.

Sau đây là tiêu chuẩn xếp hạng:

Loại giỏi:

— Thi thực hành đạt điểm 5;

— Tư cách đạo đức loại A;

— Sức khỏe đạt yêu cầu đào tạo (đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cấp 1);

— Có 3/4 số điểm thi lý thuyết và điểm tổng kết là điểm 5 còn lại là điểm 4 không có điểm 3.

Loại khá:

— Thi thực hành đạt điểm 4;

— Tư cách đạo đức loại B;

— Sức khỏe đạt yêu cầu đào tạo (đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cấp 1);

— Có 3/4 số điểm thi lý thuyết và điểm tổng kết là điểm 4 và 5 (trong đó điểm 5 nhiều hơn điểm 4) còn lại là điểm 3, không có điểm 2.

Loại trung bình:

Những học sinh không đủ điều kiện xếp vào hai loại trên nhưng đủ điều kiện thi đậu quy định ở điều 10 của quy chế thì được xếp vào loại trung bình.

Các trường, lớp sẽ căn cứ vào tình hình cụ thể của từng học sinh mà vận dụng linh hoạt. Trong khi vận dụng, cần đặc biệt coi trọng tiêu chuẩn tư cách đạo đức.

Những học sinh phải kéo dài thêm thời hạn quy định ở điều 12 trong quy chế, khi xếp hạng phải xếp thấp xuống một cấp. Ví dụ: đạt loại giỏi chỉ xếp loại khá...

Chương VI

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, BẢO CÁO KẾT QUẢ

Điều 14. — Những học sinh được Hội đồng giám khảo đề nghị, được Bộ, ngành hoặc Sở, Ty quản lý công nhận tốt nghiệp mới được cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp. Giấy chứng nhận tốt nghiệp quy định thống nhất theo mẫu kèm theo quy chế này.

Điều 15. — Giấy chứng nhận tốt nghiệp chỉ được cấp sau khi có quyết định công nhận tốt nghiệp của ngành chủ quản và do :

— Hiệu trưởng cấp đối với các trường chính quy trực thuộc Bộ, Tổng cục hoặc địa phương ;

— Giám đốc xí nghiệp, công trường cấp đối với các trường, lớp bên cạnh xí nghiệp, công trường.

Giấy chứng nhận tốt nghiệp làm thống nhất bằng bìa cứng. Khổ 70 × 110mm gồm 2 mặt : mặt ngoài bìa ở giữa ghi « giấy chứng nhận tốt nghiệp công nhân kỹ thuật sơ cấp ». Mặt trong chia làm 2 phần : bên trái có dán ảnh, chữ ký của học sinh và sô ghi vào sô của nhà trường ; bên phải ghi tên, họ học sinh, khóa học, nghề học, ngày thi và xếp loại có Hiệu trưởng hoặc Giám đốc ký tên và đóng dấu.

Điều 16. — Những học sinh do nhu cầu sản xuất phải đi công tác trước khi tốt nghiệp cũng do nhà trường xét và cấp giấy chứng nhận cùng một lúc với học sinh cùng khóa nếu có đủ các điều kiện tốt nghiệp nói ở điều 10 của quy chế này. Một tháng trước ngày học sinh cùng khóa tốt nghiệp, những học sinh này phải gửi bản báo cáo công tác có nhận xét của Thủ trưởng đơn vị công tác về các trường, lớp đã học. Các trường, lớp sẽ xét, nếu có đủ tiêu chuẩn tốt nghiệp nói ở điều 10 trong quy chế thì được cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp cùng một lúc với những học sinh cùng khóa.

Yêu cầu, nội dung báo cáo, các trường, lớp phải gửi trước cho học sinh.

Điều 17. — Sau khi chấm thi xong, chủ tịch Hội đồng giám khảo gửi về Bộ, ngành hoặc Sở, Ty quản lý biên bản kỳ thi nói rõ tổng số học sinh lớp cuối khóa, số người dự thi, danh sách học sinh thi đậu (ghi rõ trường hợp xét vớt) danh sách học sinh hỏng thi (ghi rõ trường hợp phạm kỷ luật thi và cách xử lý đối với các trường hợp đó), kèm theo số điểm thi, bảng phân loại đạo đức, tư cách đề Bộ, ngành hoặc Sở, Ty quản lý duyệt. Chỉ khi được Bộ, ngành hoặc Sở, Ty quản lý duyệt ra quyết định công nhận, các trường, lớp mới công bố danh sách học sinh tốt nghiệp và cấp giấy chứng nhận.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 19. — Tất cả các trường, lớp đào tạo công nhân kỹ thuật như trường chính quy, trường bên cạnh xí nghiệp, công trường và các lớp kèm cấp trong sản xuất của trung ương và địa phương, đều thống nhất áp dụng

quy chế này, kể từ ngày quy chế được ban hành.

Quy chế được ban hành kèm theo quyết định số 79.LĐ-QĐ ngày 22 tháng 7 năm 1963 của Bộ Lao động.

BỘ NỘI THƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH số 375-NT về việc ban hành chế độ cân, đong, đo áp dụng cho việc mua bán, giao nhận hàng hóa.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI THƯƠNG

Căn cứ nghị định số 83 — CP ngày 16-7-1963 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nội thương ;

Căn cứ sắc lệnh số 8-SL ngày 20-1-1950 và các văn bản kế tiếp quy định thống nhất đo lường trong mọi việc giao dịch,

Nhằm mục đích nâng cao văn minh thương nghiệp, bảo đảm quyền lợi nhân dân, đồng thời bảo đảm tài sản Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành chế độ cân, đong, đo, áp dụng cho việc mua bán, giao nhận hàng trong các kho, trạm, các cửa hàng mậu dịch quốc doanh, công tư hợp doanh, hợp tác xã mua bán, tổ hợp tác tiêu thương và những người buôn bán riêng rẽ.

Điều 2. — Chế độ này áp dụng sau hai tháng kể từ ngày ký quyết định này.

Điều 3. — Các ông Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kiểm tra phẩm chất hàng hóa và Đo lường, các Sở, Ty Thương nghiệp, các ông Cục trưởng, ông Chủ nhiệm các Cục và Công ty kinh doanh, các ông cửa hàng trưởng có nhiệm vụ thi hành và kiểm tra việc chấp hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 4 tháng 7 năm 1963.

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội thương.

Thư trưởng

HOÀNG QUỐC THỊNH